TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN XUÂN TRƯỜNG** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2020/HNGĐ-ST
Ngày 18 - 5 - 2020

V/v: "Ly hôn giữa anh Đ và chị L"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN TRƯỜNG, TỈNH NAM ĐỊNH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Văn Thung.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Chí Hợp;

Bà Đinh Thị Hồng Thơm.

- ***Thư ký phiên toà:*** Ông Trần Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường tham gia phiên toà:*** Bà Mai Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 211/2019/TLST-HNGĐ ngày 10/12/2019 về việc "Ly hôn, nuôi con sau khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2020/QĐST-HNGĐ ngày 04/3/2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1985; địa chỉ: Xóm 7, xã C, huyện X, tỉnh Nam Định;

2. Bị đơn: Chị Đặng Thị L, sinh năm 1986; địa chỉ: Xóm 7, xã C, huyện X, tỉnh Nam Định.

.(Anh Đ có đơn xin xét xử vắng mặt; chị L vắng mặt lần thứ hai không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn anh Nguyễn Văn Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Đặng Thị L tự nguyện tìm hiểu, kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã C cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 21 tháng 8

năm 2007. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống tại nhà bố mẹ đẻ của anh Đ. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống rất hạnh phúc, nhưng đến tháng 8/2018 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân vợ chồng phát sinh mâu thuẫn là do tính tình không hợp nhau, trong cuộc sống luôn bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên xảy ra xô xát cãi chửi nhau, mặc dù đã được hai bên gia đình khuyên giải nhiều lần nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không được cải thiện mà ngày càng mâu thuẫn trầm trọng. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 8/2018 cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng thực sự không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài nên anh Đ đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị L.

Về con chung: Anh Đ và chị L có 02 con chung là Nguyễn Đặng Thành L, sinh ngày 01/8/2008 và Nguyễn Đặng Thành H, sinh ngày 09/3/2011 hiện nay đang ở với chị L. Khi ly hôn, anh có nguyện vọng nuôi cả hai cháu, nhưng chị L quyết tâm xin nhận tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung thì anh nhường quyền nuôi con chung sau khi ly hôn cho chị L và sẽ có trách nhiệm với các con.

Về tài sản, nghĩa vụ về tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung, không cho ai vay nợ và không nợ gì của ai nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, bị đơn chị L trình bày: Chị và anh Đ tự nguyện tìm hiểu, kết hôn như anh Đ trình bày. Về mâu thuẫn vợ chồng là do anh Đ không quan tâm đến gia đình, vợ con; có quan hệ với người khác. Mặc dù chị và hai bên gia đình khuyên giải nhiều lần nhưng anh Đ không nghe, anh Đ thường xuyên bỏ mặc vợ con để chung sống với người đàn bà khác. Trong cuộc sống thường xuyên xảy ra va chạm cãi chửi nhau, bất đồng quan điểm. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 8/2018 cho đến nay. Nay anh Đ làm đơn xin ly hôn, chị không nhất trí ly hôn vì chị là người theo đạo công giáo. Chị đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng quay trở lại đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con cái. Trong trường hợp anh Đ quyết tâm xin ly hôn chị thì chị đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Chị và anh Đ có 02 con chung là Nguyễn Đặng Thành L, sinh ngày 01/8/2008 và Nguyễn Đặng Thành H, sinh ngày 09/3/2011 hiện nay đang ở với chị. Khi ly hôn, chị xin nhận tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, nghĩa vụ tài sản: Chị L xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, không cho ai vay nợ và không nợ gì của ai nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về việc chấp hành pháp luật tố tụng, quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tại phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với các đương sự, nguyên đơn đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng, bị đơn chưa

chấp hành đúng nghĩa vụ tham gia tố tụng. Về việc giải quyết vụ án, căn cứ vào các Điều 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử: Xử ly hôn giữa anh Đ và chị L; giao 02 con chung chưa thành niên cho chị L tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn mà không ai được cản trở.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, vì vậy Hội đồng xét xử tiến hành xử vắng mặt cả nguyên đơn và bị đơn là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Đ và chị L có quan hệ hôn nhân hợp pháp, đăng ký kết hôn ngày 21/8/2007 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định. Trong quá trình chung sống anh Đ và chị L phát sinh mâu thuẫn do tính cách, lối sống không hòa hợp, bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung; chị L nghi ngờ anh Đ có quan hệ với người đàn bà khác. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 8/2018 đến nay. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổ chức hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng anh Đ vẫn quyết tâm xin ly hôn, điều đó thể hiện anh Đ không thực sự mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Xét thấy mâu thuẫn giữa anh Đ và chị L đã kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc đến nhau nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Đ đối với chị L là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về việc nuôi con chung: Anh Đ và chị L có 02 con chung là Nguyễn Đặng Thành L, sinh ngày 01/8/2008 và Nguyễn Đặng Thành H, sinh ngày 09/3/2011 hiện nay đang ở với chị. Trong quá trình giải quyết vụ án, cả anh Đ và chị L đều nhất trí để chị L tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con; 02 con chung đều có nguyện vọng ở với chị L. Vì vậy, Hội đồng xét xử giao 02 con chung cho chị L tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Về vấn đề cấp dưỡng, do chị L không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[4] Về tài sản, nghĩa vụ về tài sản: Các đương sự đều xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, không vay nợ ai và không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí: Anh Đ phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa anh Nguyễn Văn Đ và chị Đặng Thị L.

2. Về con chung: Giao hai con chung là cháu Nguyễn Đặng Thành L, sinh ngày 01/8/2008 và Nguyễn Đặng Thành H, sinh ngày 09/3/2011 cho chị Đặng Thị L tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Văn Đ không phải cấp dưỡng nuôi con, có quyền và nghĩa vụ thăm nom con sau khi ly hôn mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Văn Đ phải nộp án phí ly hôn là 300.000đ, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp theo Biên lai thu số AA/2016/0001663 ngày 10/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định; anh Nguyễn Văn Đ đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Phạm Văn Thung